

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Khuyển**

Ông **Nguyễn Duy Khải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị DU** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

NgU đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Vắng mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***NgU đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 11/5/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà thường hay cãi vã nhau, thỉnh thoảng có xảy ra xô xát đánh nhau. NgU nhân do ông T có tính gia trưởng, luôn luôn bắt

bà phải làm theo ý ông T, nếu bà không nghe theo thì sẽ bị ông T chửi bới. Ngoài ra, do vợ chồng bà do hiếm muộn đường con cái nên cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng. Mãi 06 năm sau ngày cưới, vợ chồng bà mới có con đầu lòng. Nhưng khi con đầu được 02 tuổi, ông T bắt đầu nghiện cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con cả về tình cảm lẫn kinh tế. Ông T không bao giờ đưa tiền phụ bà nuôi con mà toàn bộ việc nuôi con đều do bà cáng đáng. Nhiều lần bà khU bảo nhưng ông T không nghe thậm chí còn đánh đập bà thậm tệ, trong đó có 02 lần ông T vác dao đuổi đòi tìm chém bà nhưng do bà được hàng xóm giấu trong nhà nên không bị ông T chém gây thương tích.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không thể hòa hợp được mặc dù cả hai sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau về đời sống tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay bà xác định tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

- *Về con chung*: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Tô U, sinh ngày 25/11/2016. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng nếu ông T không đồng ý thì bà và ông T mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Bà đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tô U, sinh ngày 25/11/2016, ông T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T. Cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của hai vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc từ khi kết hôn đến nay, không có mâu thuẫn gì, chỉ thỉnh thoảng ông T có đi chơi bời, nhậu nhẹt về nhà bà T có nói qua nói lại với ông. Những lúc như thế vợ chồng có to tiếng với nhau, giận nhau 02 đến 03 hôm nhưng rồi lại thôi. Ông chưa bao giờ đánh bà T. Ngoài ra, vợ ông có chơi với một số người phụ nữ đã ly hôn chồng, do người ta hay xì xào, bàn tán về việc ông nhậu nhẹt, không giúp đỡ gia đình và nói những chuyện không hay về ông làm cho ông và bà T hay cãi nhau. Bà T hay nghi ngờ ông có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác nhưng thật sự không có chuyện này. Ông vẫn quan tâm, chăm sóc vợ con chu đáo, đối xử tình cảm với vợ, vẫn làm tròn trách nhiệm về kinh tế. Ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng ông vẫn hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác, chỉ thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn vặt vãnh.

Vì vậy, ông mong muốn bà T cho cơ hội trở về cùng đoàn tụ lại với nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông T không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông T và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Tô U, sinh ngày

25/11/2016. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T; Giao con chung là Nguyễn Tổ U, sinh ngày 25/11/2016 cho bà T nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 cho ông T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do ngU đơn bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn 8, xã Long Hà, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng.

Về sự vắng mặt của các đương sự: NgU đơn bà T có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt; Bị đơn ông T vắng mặt 02 lần tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông T chung sống và xây dựng gia đình với nhau vào ngày 11/5/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hà, huyện Phước Long (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước. Do đó, HĐXX xác định hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có nguyện vọng muốn ly hôn với ông T vì thường xU bị ông T bạo hành cả về thể chất và tinh thần. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Ông T không quan tâm đến vợ con, không

đưa tiền cho bà nuôi con. Bị đơn ông T không đồng ý ly hôn và có lời khai trình bày cuộc sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, ông vẫn yêu thương, quan tâm, chăm sóc vợ con chu đáo. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản xác minh lập ngày 06/11/2020 do Tòa án tiến hành tại địa phương thì vợ chồng bà T, ông T thường xU cãi vã, chửi bới và đánh đập nhau. Ông T thường xU dọa nạt, quát mắng, đánh đập bà T. Ngoài ra còn có thông tin ông T hay chơi bời, bỏ bịch, ngoại tình, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Do đó, lời khai của bà T về mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là có cơ sở. Căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà T và ông T có 02 con chung là: Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 và Nguyễn Tô U – sinh ngày 25/11/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông T đều thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung, cụ thể: Bà T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tô U, ông T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T. Bà T và ông T không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật của bà T, ông T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

TU xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Nguyễn Thị T.

Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tổ U, sinh ngày 25/11/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Văn T – sinh ngày 11/01/2012 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Bà T và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011902 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà T đã nộp đủ tiền.

NgU đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã Long Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải